



**TAN CANG
LONG BINH ICD**

TRUST IS ALL

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017
CÔNG TY CP ICD TÂN CẢNG LONG BÌNH**

Đồng Nai, tháng 03 năm 2018



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Công ty CP ICD Tân Cảng Long Bình
Năm báo cáo: 2017

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CP ICD TÂN CẢNG LONG BÌNH
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3601033213 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch đầu tư Đồng Nai cấp lần đầu ngày 23/07/2008, cập nhật thay đổi lần 4 ngày 02/12/2016
- Vốn điều lệ: 187 tỷ đồng (Một trăm tám mươi bảy tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: ./.
- Địa chỉ: G243 Bùi Văn Hòa, KP7, Phường Long Bình, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Số điện thoại: 02516 255 999
- Số fax/Fax: 02516 501 826
- Website: www.icdlongbinh.com
- Mã cổ phiếu (nếu có): ./.

Quá trình hình thành và phát triển

- Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay.

7/8/2008: Thành lập Công ty cổ phần ICD Tân Cảng Long Bình thực hiện dự án đầu tư cảng ICD Tân Cảng Long Bình thuộc khu kinh tế quốc phòng Tân Cảng Long Bình, hoạt động trong lĩnh vực kho, bãi, dịch vụ cảng ICD, các dịch vụ giá trị gia tăng khác trong lĩnh vực giao nhận nhằm cung ứng một chuỗi logistics cho khách hàng có nhu cầu xuất nhập hàng hóa thông qua cảng ICD Tân Cảng Long Bình. Vốn điều lệ là 150 tỷ

27/7/2009: thành lập địa điểm làm thủ tục hải quan cảng nội địa tại Đồng Nai với diện tích 77,958ha theo Quyết định số 1794/QĐ – BTC của Bộ Tài Chính

15/09/2009: thành lập và đi vào hoạt động kho ngoại quan số 1 diện tích 9.000m2 theo quyết định số 1815/QĐ – TCHQ của Tổng cục hải quan

10/03/2010: Khai trương điểm kiểm hóa tập trung tại ICD Tân Cảng Long Bình theo Quyết định số 206/QĐ – TCHQ của Tổng cục Hải quan

Tăng vốn điều lệ từ 150 tỷ đồng lên 187 tỷ đồng

27/4/2015: mở rộng địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa được thành lập trong nội địa tại Đồng Nai với diện tích 25ha theo Quyết định số 1278/QĐ – TCHQ của Tổng cục hải quan.

Tổng diện tích ICD sau khi mở rộng: 105ha

12/2015: đưa kho số 20 diện tích 32.400m² đi vào hoạt động

3/2016: đưa Trung tâm phân phối Neslte khu vực phía Nam, với diện tích là 19.600m² kho, là trung tâm phân phối các sản phẩm của Tập đoàn Neslte Việt Nam tại khu vực phía Nam, sử dụng hệ thống craking bán tự động và ứng dụng CNTT trong hoạt động điều hành kho bãi.

12/2017: tiếp nhận cơ sở hạ tầng 76ha tại Khu dịch vụ Tân Cảng Long Bình, giai đoạn 2, mục tiêu xây dựng trung tâm phân phối nguyên nhiên liệu và các sản phẩm từ gỗ.

Tính đến 31/12/2017, tổng diện tích kho của ICDLB, các công ty thành viên và liên doanh liên kết là 391.800m² với nhiều loại kho có diện tích khác nhau: 18.000m², 15.300m², 30.500m²....

Ngoài ra còn đang thực hiện xây dựng dự kiến quý 2/2018 đi vào khai thác sử dụng thêm 44.375m² kho.

- Các sự kiện khác:./.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:./.

- Ngành nghề kinh doanh:

- + Dịch vụ kho bãi, lưu giữ hàng hóa
- + Dịch vụ logistics
- + Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa, container
- + Dịch vụ cho thuê cơ sở hạ tầng

- Địa bàn kinh doanh: Long Bình, Đồng Nai.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/

- Mô hình quản trị:

ICD Long Bình bao gồm 05 thành viên Hội đồng quản trị, trong đó có 01 thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Hội đồng quản trị bổ nhiệm Thư ký công ty (gồm 02 nhân sự) để bảo đảm hoạt động của Hội đồng quản trị theo đúng quy định pháp luật, là kênh thông tin trao đổi giữa cổ đông và Hội đồng quản trị.

- Cơ cấu bộ máy quản lý gồm.

Công ty cổ phần ICD Tân Cảng Long Bình được điều hành bởi Ban Giám đốc gồm có Giám đốc và 03 phó Giám đốc.

Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của ICD và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Giám đốc ủy quyền và phân công theo đúng chế độ, chính sách của Nhà nước và điều lệ của Công ty.

Bao gồm:

Trần Triệu Phú – Giám đốc

Trần Hoàng Lâm – Phó giám đốc

Phan Anh Tuấn – Phó giám đốc

Nguyễn Đình Tứ – Phó giám đốc

Hiện tại Công ty được chia thành 07 Phòng chức năng:

Phòng Tổ chức hành chính

Phòng Tài chính kế toán

Phòng Kế hoạch kinh doanh

Khu kho hàng

Phòng điều độ

Phòng cơ giới xếp dỡ

Phòng kỹ thuật công trình

- Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty con: Công ty cổ phần Tiếp Vận Thành Long

Ngành nghề kinh doanh chính: kinh doanh dịch vụ kho bãi và các dịch vụ giá trị gia tăng kết nối với dịch vụ kho, bãi

Vốn điều lệ: **40.000.000.000** đồng

Tỷ lệ góp vốn của ICD: 51%/vốn điều lệ

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Vì Khách hàng: với phương châm kinh doanh “*Niềm tin là tất cả. Chất lượng hàng đầu, lợi nhuận đi đôi*”, ICD Tân Cảng Long Bình luôn cung cấp dịch vụ hoàn hảo và gia tăng giá trị gia tăng cho khách hàng (VAS), luôn đồng hành cùng khách hàng, hợp tác cùng phát triển, nâng cao chuỗi cung ứng nhằm đáp ứng nhu cầu khách hàng ngày càng đa dạng và phong phú.
- Vì Nhân viên: môi trường làm việc thân thiện, công bằng và đời sống ngày càng nâng cao.
- Vì Cổ đông: tốt đa hóa lợi nhuận cổ đông và nâng cao giá trị doanh nghiệp.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Trở thành Trung tâm logistics kiểu mẫu, hiện đại và lớn nhất Việt Nam trong đó đầy đủ các dịch vụ kho hàng, bãi container, depot rỗng và các dịch vụ giá trị gia tăng cùng với sự cung ứng các chuỗi dịch vụ hoàn thiện, có tính kết nối với hệ thống các khu công nghiệp, hệ thống cảng, đường hàng không (sân bay quốc tế Long Thành) theo quy hoạch phát triển các trung tâm logistics theo Quyết định số 1012/2015/QĐ – Ttg của Thủ tướng Chính phủ ngày 03/07/2015 Về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển hệ thống trung tâm logistics trên địa bàn cả nước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, Quyết định số 2072/QĐ – Ttg của Thủ tướng Chính phủ ngày 22/12/2017 về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng cạn Việt Nam giai đoạn đến 2020, định hướng đến năm 2030
- Dịch vụ khách hàng: cung cấp dịch vụ đa dạng và phù hợp với nhu cầu ngày càng nâng cao của khách hàng; phát triển thế mạnh của công ty và từng bước chuyên sâu vào dịch vụ chuỗi cung ứng logistics trên cơ sở kết nối hệ thống kho – bãi – depot – hệ thống cảng, tiến đến cung cấp chuỗi dịch vụ trọn gói 3PL
- Chất lượng dịch vụ: an toàn, trung thực, minh bạch, liên tục cải tiến công nghệ và hạ tầng phục vụ KH như các phần mềm CNTT: WMS (quản lý kho), CMS (quản lý bãi và khai thác container) và TOPO (hệ thống container cảng).
- Chất lượng nhân viên: liên tục đào tạo nâng cao về nghiệp vụ và tâm huyết cùng với sự phát triển của công ty.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

- Ý thức được rằng hoạt động kinh doanh để mang lại lợi ích kinh tế phải đi đôi với ý thức cao trong trách nhiệm cộng đồng, ICD luôn tham gia hoạt động xã hội và các phong trào do Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn và Bộ Quốc Phòng tổ chức.
- Thực hiện quy góp ngày lương doanh nghiệp cho Quỹ đền ơn đáp nghĩa, các chương trình dân vận của Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn, Quân chủng hải quân và Bộ Quốc Phòng
- Tham gia ủng hộ cho các tổ chức đoàn thể tại địa phương “Chung một tấm lòng”, “ Trái tim nhân đạo”, các hoạt động tình nguyện mang tính cộng đồng và địa phương, góp phần xây dựng địa bàn tại đơn vị trong thực hiện chính sách xóa đói giảm nghèo, chính sách chăm lo đời sống cho công nhân, lao động trên địa bàn, các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, công tác dân vận trên địa bàn xã Phước Tân và phường Long Bình.
- Tất cả các hoạt động cộng đồng đều trích từ nguồn quỹ phúc lợi của công ty với mục tiêu cùng với địa bàn đóng quân chung tay, chung sức đồng lòng vì một xã hội tiến bộ và tốt đẹp.

5. Các rủi ro:

- Rủi ro về kinh tế vĩ mô: sự tăng trưởng/suy giảm của nền kinh tế nói chung và hoạt động xuất nhập khẩu nói riêng đều tác động.
- Rủi ro chính sách: chính sách điều hành của Chính phủ, các Bộ/ngành liên quan như Bộ Công Thương, Bộ giao thông vận tải, Tổng cục Hải quan... về hoạt động xuất nhập khẩu ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh của công ty.
- Rủi ro về pháp lý: sự thay đổi các quy định liên quan đến thủ tục hải quan ảnh hưởng đến các dịch vụ của ICD cung cấp cho khách hàng, đặc biệt là quy định hoạt động quản lý đầu tư, xây dựng cảng cạn theo Nghị định số 38/2018/NĐ – CP của Chính phủ ngày 04/04/2017 , sự thay đổi pháp luật về thuế, đất đai đặc biệt là quy chế sử dụng đất quốc phòng làm kinh tế, quy định pháp luật liên quan đến hoạt động xây dựng, cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền trên đất quốc phòng làm kinh tế....

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2017	THỰC HIỆN NĂM 2016	THỰC HIỆN NĂM 2017	+/- Giá trị số tuyệt đối so với cùng kỳ	% so với TH2016	% so với KH 2017
1	Vốn điều lệ	187.000,00	187.000,00	187.000,00			
2	Vốn chủ sở hữu	288.874,36	272.352,61	292.565,66	20.213,05	107,4%	101,3%
3	Tổng doanh thu	350.717,94	326.197,76	352.391,89	26.194,13	108,0%	100,5%
4	Tổng chi phí	284.946,39	263.984,32	281.844,11	17.859,80	106,8%	98,9%
5	Tổng LN trước thuế	65.771,56	62.213,44	70.547,78	8.334,34	113,4%	107,3%
6	Tổng LN sau thuế	53.085,25	50.028,73	56.829,64	6.800,92	113,6%	107,1%
7	Tỷ suất LN/ Vốn điều lệ	45.511,80	36.863,85	33.895,99	(2.967,87)	91,9%	74,5%
8	Tỷ suất LN/ Vốn chủ sở hữu	28,39%	26,75%	30,39%	3,64%	113,6%	107,1%
9	Cổ tức	18,38%	18,37%	19,42%	1,06%	105,7%	105,7%

Nhìn chung tình hình sản xuất kinh doanh năm 2017 đều đạt so với kế hoạch năm 2017 và có sự tăng trưởng so với năm 2016, với các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận tăng 5% so với năm 2016

Cụ thể:

Doanh thu cho thuê kho , CSHT đạt 106,5% so với kế hoạch năm và đạt 113,4 % so với cùng kỳ

Doanh thu cho thuê bãi hàng đạt 127,0% với KH do hàng nhôm không xuất hết theo kế hoạch.

Doanh thu dịch vụ Logistics khai thác đạt 483,4 % so với kế hoạch năm và đạt 937,1 % so với cùng kỳ. Trong đó nổi bật là giá trị vận chuyển vòng ngoài đã có sự khởi sắc khi doanh thu đạt hơn 5,5 tỷ trong 6 tháng cuối năm.

Các giá trị tăng thêm như xếp dỡ, vận chuyển, thủ tục hải quan... đều đạt so với kế hoạch

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành.

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần (*)
1	Trần Triệu Phú	Giám đốc	83.000

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần (*)
2	Trần Hoàng Lân	Phó giám đốc	1.555
3	Phan Anh Tuấn	Phó giám đốc	0
4	Nguyễn Đình Tứ	Phó giám đốc	0
5	Nguyễn Đức Khiêm	Kế toán trưởng	36.480

(*) Tính đến 31/12/2017

- Những thay đổi trong ban điều hành: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm):

Bổ nhiệm ông Phan Anh Tuấn giữ chức vụ Phó giám đốc công ty, từ tháng 03/2017;

Bổ nhiệm ông Nguyễn Đình Tứ giữ chức vụ Phó giám đốc công ty, từ tháng 08/2017;

Miễn nhiệm ông Nguyễn Đức Vượng Phó giám đốc Công ty từ tháng 08/2017.

- Số lượng cán bộ, nhân viên: Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động: không có sự thay đổi

Tính đến tháng 12/2017: 204 cán bộ, nhân viên

Chính sách đối với người lao động tại Công ty được thực hiện đúng theo quy định pháp luật hiện hành, phúc lợi và chế độ đãi ngộ tốt, thực hiện theo chính sách lương thưởng của hệ thống Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn (Công ty mẹ).

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

ĐVT: đồng

STT	Tên hạng mục đầu tư	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện đến 31-12-2017
	Đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm trang thiết bị (Bao gồm VAT)	148.553.623.588	84.807.214.638
1	Mua 3 xe nâng điện theo hợp đồng GV2203051 ngày 22/03/2017./.	2.169.838.000	2.169.838.000

STT	Tên hạng mục đầu tư	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện đến 31-12-2017
2	Thi công hệ thống thoát nước và san lấp mặt bằng khu vực mở rộng ICD Tân Cảng Long Bình (khu 25ha)	12.645.152.948	12.645.152.948
3	Kho chứa hàng nguyên liệu, hóa chất phục vụ may mặc (kho 9A)	14.800.000.000	14.800.000.000
4	Kho số 19	60.955.000.000	23.693.200.000,00
5	Kho mát, kho lạnh khu 25ha (kho số 21)	48.498.000.000	24.868.207.370,00
6	San lấp mặt bằng tạo nền kho số 22, 23	9.485.632.640	6.630.816.320,00

b) Các công ty con, công ty liên kết

Công ty con: Công ty TV Thành Long

Chỉ tiêu	2017	2016
I. Tài sản ngắn hạn	16.640.401.737	30.847.064.507
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	11.745.480.626	5.806.732.210
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	4.862.349.466	6.318.507.886
Trong đó: Nợ phải thu khó đòi	-	-
4. Hàng tồn kho	-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	32.571.645	-
II. Tài sản dài hạn	93.297.418.661	98.005.003.385
1. Các khoản phải thu dài hạn	-	-
2. Tài sản cố định	54.333.432.195	58.027.635.987
- Tài sản cố định hữu hình	54.333.432.195	58.027.635.987
- Tài sản cố định thuê tài chính	-	-
- Tài sản cố định vô hình	-	-
3. Bất động sản đầu tư	-	-
4. Tài sản dở dang dài hạn	-	-
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-
5. Đầu tư tài chính dài hạn	-	-
6. Tài sản dài hạn khác	38.963.986.466	39.977.367.398
III. Nợ phải trả	53.188.913.522	57.597.637.706
1. Nợ ngắn hạn	10.388.913.522	8.797.637.706

Chỉ tiêu	2017	2016
Trong đó: Nợ quá hạn	-	-
Trong đó: Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.029.714.681	1.188.080.481
2. Nợ dài hạn	42.800.000.000	48.800.000.000
IV. Vốn chủ sở hữu	56.748.906.876	52.532.605.775
1. Vốn chủ sở hữu	56.748.906.876	52.532.605.775
Trong đó: vốn góp của chủ sở hữu	40.000.000.000	40.000.000.000
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-
V. Kết quả kinh doanh		
1. Tổng doanh thu	35.425.970.188	31.037.077.358
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	35.223.780.391	30.847.064.507
- Doanh thu hoạt động tài chính	202.114.828	182.267.772
- Thu nhập khác	74.969	7.745.079
2. Tổng chi phí	23.989.480.917	22.031.243.770
3. Tổng lợi nhuận trước thuế	11.436.489.271	9.005.833.588
4. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	9.141.553.101	7.192.529.744

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Phần công ty mẹ:

DVT: đồng

CHỈ TIÊU	NĂM 2016	NĂM 2017	TỶ LỆ
Tổng tài sản	1,001,031,338,937	1,029,158,538,870	2.81%
Tài sản ngắn hạn	145,034,586,213	151,693,414,483	4.59%
Tài sản dài hạn	855,996,752,724	877,465,124,387	2.51%
Nguồn vốn	1,001,031,338,937	1,029,158,538,870	2.81%
Nợ phải trả	728,678,729,064	736,592,874,800	1.09%
Nguồn VSH	272,352,609,873	292,565,664,070	7.42%
Vốn điều lệ	187,000,000,000	187,000,000,000	0.00%
Tổng doanh thu	326,195,347,730	352,391,893,093	8.03%
Lợi nhuận sau thuế	50,028,725,026	56,829,644,197	13.59%

Chỉ tiêu tài chính hợp nhất:

DVT: đồng

CHỈ TIÊU	NĂM 2016	NĂM 2017	TỶ LỆ
Tổng tài sản	1,050,701,612,416	1,079,763,631,213	2.77%
Tài sản ngắn hạn	156,303,995,919	168,265,211,580	7.65%
Tài sản dài hạn	894,397,616,497	911,498,419,633	1.91%
Nguồn vốn	1,050,701,612,416	1,079,763,631,213	2.77%
Nợ phải trả	745,620,345,369	750,849,060,267	0.70%
Nguồn VSH	305,081,267,047	328,914,570,946	7.81%
Vốn điều lệ	187,000,000,000	187,000,000,000	0.00%
Tổng doanh thu	352,754,186,307	380,672,839,554	7.91%
Lợi nhuận sau thuế	55,527,325,023	63,491,262,306	14.34%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

TT	Chỉ tiêu	2016	2017
1	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu	19,07%	20,02%
2	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/vốn chủ sở hữu	22,84%	24,11%
3	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	18,37%	19,42%
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản	5,00%	5,52%
5	Hệ số khả năng thanh toán hiện thời	0,62	0,70
6	Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu	2,68	2,52
7	Tỷ trọng vốn vay/tổng nguồn vốn	27,61%	27,45%
8	Tỷ trọng lãi tiền vay/tổng chi phí	6,56%	6,33%
9	Tỷ trọng nợ phải thu khó đòi/tổng nợ phải thu	0,05%	0,05%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phần: 18.700.000 cổ phần

Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phần phổ thông

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 18.700.000 cổ phần

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu: 0

b) Cơ cấu cổ đông:

STT	Danh mục	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số cổ đông (người)
1	Tổng số lượng cổ phần phổ thông:	18.700.000	100%	968
2	Cổ đông sáng lập:	12.250.000	65,5%	3
3	Cổ đông lớn:	12.250.000	65,5%	3
4	Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phần có quyền biểu quyết:	3.807.000	20,36%	965
5	Phân loại			
5.1	Trong nước	18.700.000	100%	968
	Cá nhân	4.382.000	23,43%	960
	Tổ chức	14.318.000	76,57%	8
5.2	Nước ngoài	0	0	0

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không phát sinh.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: không phát sinh

e) Các chứng khoán khác: không phát sinh

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: 400.000 l/năm phục vụ cho các xe nâng kho, xe nâng con và máy phát điện

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: không phát sinh.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp (điện): 2.700.000 kwh/năm

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không phát sinh

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng: không phát sinh

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

Nguồn cung cấp nước: Công ty CP cấp nước Biên Hòa

Lượng nước: 4.800m³/tháng

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không phát sinh

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không vi phạm

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không phát sinh.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2016	Thực hiện 2017
Ban quản lý (Ban giám đốc, KTT)			
Quỹ lương	Triệu đồng	2,889.43	2.889,43
Tiền lương BQ	Triệu đồng/người	48.16	46,57
Thu nhập BQ	Triệu đồng/người	50.28	50,02
Người lao động			
Quỹ lương	Triệu đồng	31,669.56	35.230,34
Tiền lương BQ	Triệu đồng/người	13.13	14,89
Thu nhập BQ	Triệu đồng/người	14.62	16,81

Cơ sở pháp lý:

- Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

- Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 09 năm 2016 của Bộ lao động thương binh xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

Cơ sở thực hiện:

- Căn cứ Nghị quyết của HĐQT về thông qua quỹ lương kế hoạch 2017;
- Căn cứ vào kết quả kinh doanh 2017.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Tuân thủ các quy định pháp luật lao động, pháp luật về an toàn vệ sinh lao động, cụ thể:

- Chế độ lương, thưởng căn cứ vào thực hiện sản xuất kinh doanh và hiệu quả, năng lực làm việc của người lao động
- Chính sách trang bị bảo hộ lao động, đồng phục, áo mưa cho người lao động
- Chính sách khám và bảo đảm sức khỏe người lao động thông qua Trung tâm y tế Cảng (nay là Bệnh viện đa khoa Tân Cảng)
- Chính sách về tham quan du lịch, các chế độ phúc lợi cho người lao động như trợ cấp ốm đau, thai sản, chế độ hiếu, hi
- Chính sách huấn luyện an toàn lao động và PCCN hàng năm, thực hiện định kỳ
- Hội thao tay nghề giỏi hàng năm
- Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao dành cho người lao động nhân các ngày lễ và kỷ niệm thành lập công ty
- Các hoạt động tình nguyện thanh niên

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Với chỉ đạo thực thi chủ trương không ngừng huấn luyện đào tạo và học hỏi của TCT cũng như Ban Lãnh đạo, các kế hoạch đào tạo tăng cường như: lớp học Tiếng Anh tại chỗ, lớp chăm sóc khách hàng, khóa khai thuế Hải Quan, các lớp kỹ năng quản lý....Đồng thời, việc chọn lọc và tuyển dụng nhân sự có nghiệp vụ chuyên môn, quản lý đạt chất lượng cao, so với những năm trước đây, năng lực và trình độ nhân sự của công ty đã có nhiều tiến bộ, khả năng nắm vững quy trình điều hành, quản lý đã nâng lên tầm mới, việc kiểm soát chi phí kịp thời, cùng sự phối hợp điều phối kinh doanh - sản xuất nhịp nhàng đã đóng góp không nhỏ vào thành công của kế hoạch tiết giảm chi phí, là một trong các yếu tố mang lại hiệu quả kinh doanh cao

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: công tác dân vận tại địa phương: phường Long Bình, xã Phước Tân và UBND TP. Biên Hòa

Tổng số tiền hỗ trợ: 300.000.000, nguồn từ quỹ phúc lợi

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:./.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình thị trường cung cấp kho bãi khu vực tỉnh Đồng Nai tăng nhẹ so với cùng kỳ, tuy nhiên, lượng cung về kho bãi vẫn cao hơn so với nhu cầu của khách hàng. Cụ thể, Kho Solog 40.000m² đưa vào hoạt động, nhà thầu chủ yếu là K- Negal hiện chưa có phủ kín; Kho TBS mạnh về dịch vụ CFS, tổng khoảng 10.000m², và Kho Tín Nghĩa – KCN Tam Phước còn trống 20.000m², Kho Vĩnh Cường cũng trống khoảng 24.000m² do Nestle chuyển về kho mới xây dựng tại LB.

Riêng tại ICD LB, tình hình sản xuất trong năm của ICD LB vẫn còn nhiều khó khăn do các nhu cầu về kho chưa cao, cạnh tranh trong khu vực gay gắt, khách hàng có nhiều chọn lựa, nên giá dịch vụ tại ICD LB chỉ dừng ở mức trung bình, thấp hơn TBS 5% và cao hơn Solog, Vĩnh Cường 6-7%; Tuy nhiên mỗi đơn vị kinh doanh có tính chất dịch vụ đặc thù khác nhau, yếu tố giá cả chỉ là vấn đề nhỏ, quan trọng nhất vẫn là yếu tố khoảng cách (cự ly) so với Trung tâm thành phố HCM, so với hệ thống cảng biển, cửa khẩu; kế tiếp là yếu tố chất lượng dịch vụ và chất lượng cơ sở hạ tầng.

Với xu hướng thị trường cạnh tranh khốc liệt tại địa bàn khai thác kinh doanh, ICD LB không ngừng nỗ lực triển khai và thực hiện các chỉ tiêu theo định hướng chiến lược kinh doanh toàn TCT Tân Cảng Sài Gòn. Năm 2017 là Năm khách hàng, tập thể Cán bộ ICD LB không ngừng đổi mới tư duy kết nối hệ thống, nâng cao năng suất lao động và phát triển dịch vụ giá trị gia tăng tại đơn vị

1. Thuận lợi:

Được sự quan tâm sâu sắc Ban Lãnh đạo các cấp, Ban TGD, các phòng ban chức năng trong hệ thống và các cơ quan hữu quan như Hải Quan LBT, Cục HQ Đồng Nai, cơ quan chính quyền địa phương đã tạo động lực cho sự phát triển của ICD LB trong suốt thời gian vừa qua. Hệ thống kho bãi hiện đại, quy mô, thủ tục Hải quan thông thoáng.

a/ Các chỉ tiêu KH thực hiện năm khách hàng đã đạt được như: Đổi mới hình thức tiếp cận và chăm sóc khách hàng theo ngành dọc, phân ra nhiều cấp độ tiếp xúc và làm việc với khách hàng, ngoài việc Sales MKT lấy ý kiến đánh giá chất lượng dịch vụ khách hàng, các cán bộ, nhân viên hiện trường luôn cởi mở, tiếp thu và khắc phục các khó khăn, giảm thiểu các tồn tại tiềm ẩn ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí cho khách hàng, đưa ra các giải pháp khắc phục linh hoạt tại hiện trường, xem sản phẩm của khách hàng cũng chính là sản phẩm của mình.

b/ Việc kết nối hệ thống: Ngoài việc kết nối thông tin nội bộ đơn vị, đảm bảo các thông tin nội bộ thông suốt, thực hiện chặt chẽ, nhịp nhàng hiệu quả, công tác sales MKT không ngừng được triển khai kết nối với các công ty thành viên trong hệ thống như: Phát triển dịch vụ Logistics cho khách hàng Sailun với SNPL; cùng với Tân Cảng Shipping thực hiện Phát triển dịch vụ vận chuyển nội địa cho khách hàng AQUA, cùng với Tân Cảng Shipping phát triển các dịch vụ vận chuyển đa phương thức, door- to – door, hàng nguyên liệu thực phẩm Bretange ; Cùng với

Tiếp Vận Vũng Tàu và Cái Mép phát triển dịch vụ logistics cho khách hàng OI-BJC....

c/ Về năng suất lao động: Bên cạnh việc cải cách công tác quản lý, bố trí nhân sự phù hợp với tình hình thực tế, ICD LB tiếp tục thực hiện khoán lương cho hiện trường, phòng điều độ. Trả lương theo KPI cho khối kho hàng và Cải cách công tác khoán lương phát triển dịch vụ mới cho PKD nhằm đẩy mạnh công tác phát triển dịch vụ GTGT từ dịch vụ lõi, là đòn bẩy thúc đẩy tăng doanh thu phân kỳ tháng, KH năm.

d/ Phát triển dịch vụ GTGT: Năm 2017, ICD LB đã thực hiện đúng hướng các chỉ tiêu khai thác DV giá trị gia tăng như: Dịch vụ hàng Door, dịch vụ vận chuyển vòng ngoài, dịch vụ tạm nhập tái xuất và *đặc biệt ký kết* với 44 khách hàng mới quy mô lớn nhỏ khác nhau (so với Kế hoạch năm đạt 183% tương đương 44 khách hàng/ kế hoạch dự kiến 24 khách hàng) trong đó có 6 khách hàng tiềm năng với dịch vụ trọn khâu như khách hàng đến từ Mã Lai (OI-BJC), Nhật Bản (Hankyu), (Mỹ) IATERLIA, và đến từ Silenkar (S&D), Khách hàng đến từ Châu Âu, Đài Loan (Autotech, WWRC)

2. Khó khăn

Bên cạnh một số thuận lợi đã được nêu trên, ICD LB cũng gặp nhiều khó khăn khách quan như Khách hàng còn e ngại và chưa quan tâm đến việc trả và lấy rỗng tại ICD LB vì chi phí cao, tuyến đường công kênh...Hiện nay các phòng ban chức năng TCT đã và đang nghiên cứu để phát triển dịch vụ trung chuyển hàng, kết nối phát triển hệ thống bãi rỗng tại ICD LB từ tháng 10/2017

Về chủ quan, một số kết cấu của hệ thống kho còn chưa phù hợp với loại hình kho phân phối, hàng nguy hiểm....tuy nhiên vẫn có thể khắc phục và cải tiến đáp ứng nhu cầu khách hàng.

Vẫn như các năm trước đây, sự ảnh hưởng bởi chính sách khống chế các danh mục hàng nhập tại các cửa khẩu theo thông tư 38/ BTC cũng ảnh hưởng nhiều đến các dịch vụ hàng bãi của ICD LB, nên hiệu quả kinh doanh bãi hàng, rỗng tại ICD LB cũng bị hạn chế. Bên cạnh đó các dịch vụ giao nhận, logistics vòng ngoài của năm 2017 tuy đã có sự đột phá song vẫn chưa đạt hiệu quả cao, do khả năng cạnh tranh giá vận tải cũng như tính nghiệp vụ khai thuê, giao nhận mới chưa thật sự hiệu quả. Thông tư 38 mới quy định, một số nhà máy có thể kiểm hóa tại nơi đăng ký kinh doanh, sản xuất, một số khách hàng thuê dịch vụ khai thuê và chuyển cảng của ICD LB đã rút về nhà máy, không sử dụng dịch vụ tại ICD LB, đây cũng là nguyên nhân dịch vụ vòng ngoài chưa đạt theo kế hoạch.

Nút giao thông hướng vào đơn vị mặc dù đã được giải quyết, cải tiến các chốt tín hiệu giao thông, tuy nhiên khách hàng vẫn phàn nàn do việc vận chuyển

giữa nhà máy khu vực lân cận về kho và ngược lại bị cấm giờ, làm gián đoạn không giao hàng, cung cấp cho việc sản xuất liên tục.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	2017	2016
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	151.693.414.483	145.034.586.213
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	34.437.383.032	24.363.874.533
1. Tiền	34.437.383.032	24.363.874.533
2. Các khoản tương đương tiền	-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	115.461.537.360	110.959.144.964
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	81.092.687.530	108.017.210.215
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	29.087.865.260	1.144.851.010
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	5.335.314.570	1.851.413.739
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	(54.330.000)	(54.330.000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
IV. Hàng tồn kho	-	323.250.000
1. Hàng tồn kho	-	323.250.000
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	1.794.494.091	9.388.316.716
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	1.715.615.419	1.053.970.076
2. Thuế GTGT được khấu trừ	-	8.334.346.640
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	78.878.672	-

Chỉ tiêu	2017	2016
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	877.465.124.387	855.996.752.724
I. Các khoản phải thu dài hạn	-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	-	-
6. Phải thu dài hạn khác	-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	-	-
II. Tài sản cố định	558.065.661.966	564.957.351.185
1. Tài sản cố định hữu hình	558.036.495.309	564.856.795.624
- Nguyên giá	769.477.322.620	736.236.725.691
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(211.440.827.311)	(171.379.930.067)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	-	-
- Nguyên giá	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	-	-
3. Tài sản cố định vô hình	29.166.657	100.555.561
- Nguyên giá	434.504.400	434.504.400
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(405.337.743)	(333.948.839)
III. Bất động sản đầu tư	-	-
- Nguyên giá	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	26.037.255.408	9.540.237.379
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	26.037.255.408	9.540.237.379
V. Đầu tư tài chính dài hạn	27.638.210.000	32.838.210.000

Chỉ tiêu	2017	2016
1. Đầu tư vào công ty con	20.400.000.000	20.400.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	7.200.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	7.238.210.000	5.238.210.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	265.723.997.013	248.660.954.160
1. Chi phí trả trước dài hạn	265.723.997.013	248.660.954.160
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	-	-
4. Tài sản dài hạn khác	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1.029.158.538.870	1.001.031.338.937

b/ Tình hình nguồn vốn:

Chỉ tiêu	2017	2016
A. NỢ PHẢI TRẢ	736.592.874.800	728.678.729.064
I. Nợ ngắn hạn	217.900.659.004	234.479.963.190
1. Phải trả người bán ngắn hạn	96.809.647.452	102.162.200.084
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19.087.195	652.723.605
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.101.675.901	4.123.719.868
4. Phải trả người lao động	9.559.823.328	8.965.084.842
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	2.039.486.552	6.593.939.534
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn		-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	5.332.613.324	11.404.927.788
9. Phải trả ngắn hạn khác	50.935.046.535	28.684.141.145
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	49.753.561.735	71.814.043.755
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	349.716.982	79.182.569
13. Quỹ bình ổn giá		-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-

Chỉ tiêu	2017	2016
II. Nợ dài hạn	518.692.215.796	494.198.765.874
1. Phải trả người bán dài hạn		-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn		-
3. Chi phí phải trả dài hạn		-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh		-
5. Phải trả nội bộ dài hạn		-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	114.777.914.818	132.962.235.650
7. Phải trả dài hạn khác	171.208.992.350	156.660.258.250
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	232.705.308.628	204.576.271.974
9. Trái phiếu chuyển đổi		-
10. Cổ phiếu ưu đãi		-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-
12. Dự phòng phải trả dài hạn		-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	292.565.664.070	272.352.609.873
I. Vốn chủ sở hữu	292.565.664.070	272.352.609.873
1. Vốn góp của chủ sở hữu	187.000.000.000	187.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	187.000.000.000	187.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		-
2. Thặng dư vốn cổ phần		-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		-
4. Vốn khác của chủ sở hữu		-
5. Cổ phiếu quỹ (*)		-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-
8. Quỹ đầu tư phát triển	42.828.194.667	35.323.884.667
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	62.737.469.403	50.028.725.206
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	5.907.825.206	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	56.829.644.197	50.028.725.206
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB		-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-
1. Nguồn kinh phí		-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	1.029.158.538.870	1.001.031.338.937

Phân tích các rủi ro:

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2017 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn lần lượt là 89.445.376.977 VND và 66.207.244.521 VND. Sự kiện này có thể ảnh hưởng đến khả năng thanh toán của Công ty. Tuy nhiên, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty chủ yếu là các khoản nợ phải trả các bên liên quan, trong đó tổng các khoản nợ phải trả Công ty mẹ tại ngày 01 tháng 01 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2017 lần lượt là 102.365.998.763 VND và 109.719.727.514 VND. Công ty đã đàm phán và được Công ty mẹ đồng ý gia hạn nợ đối với các khoản nợ này

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Công ty chủ yếu các khoản vay trung dài hạn tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 5.238.210.000 VND tương ứng với 397.734 cổ phần. Đây là khoản ủy thác đầu tư qua Công ty mẹ là Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn

3. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: không phát sinh*

4. *Kế hoạch phát triển trong tương lai*

- Tiếp tục bổ sung văn bản trong công tác bổ sung thêm chức năng: cụm công nghiệp nhẹ cho khu 25ha mở rộng nhằm đáp ứng các nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh cho các khách hàng, doanh nghiệp trong và ngoài nước.

- Các sản phẩm dịch vụ

Cho thuê kho, bãi: 3.139.536 m²; tăng 11,5 % so với thực hiện năm trước.

Bốc xếp hàng hóa (dịch vụ kho và đóng rút hàng): 1.703.201 tấn; tăng 2% so với thực hiện năm trước

Dịch vụ vận chuyển hàng hóa xuất nhập (vận tải bộ): 22.117 teu; tăng 5 % so với thực hiện năm trước.

Dịch vụ kiểm hóa: 7.859 teu; tăng 12,08% so với thực hiện năm trước.

Dịch vụ bãi rỗng: 548 teu; giảm 15,7 % so với thực hiện năm trước.

Dịch vụ khai thuê HQ, thông quan hàng hóa: 18.674 teus, tăng 11,7 % so với thực hiện năm trước.

Dịch vụ cho thuê thiết bị: 10 chiếc xe đầu kéo/ năm

Dịch vụ Nâng/hạ cont tại Cát Lái: 97.971 teu; tăng 6,49% với thực hiện năm trước.

Kinh doanh cơ sở hạ tầng: 232.680m² ; giữ bằng thực hiện năm trước

- Tổ chức thực hiện.

Tiếp tục đồng hành cùng khách hàng, nghiên cứu các giải pháp cung cấp dịch vụ trọn gói, cải tiến các ứng dụng phần mềm, kỹ năng quản lý.

ICD LB vẫn tiếp tục chú trọng vào công tác đào tạo, công tác chăm sóc khách hàng tại chỗ. Tăng cường bổ sung nhân sự cho bộ phận sales MKT. Đối với các dự án đặc biệt, phân công quản lý dự án theo nhóm, đánh giá hiệu quả của nhóm theo ngành hàng và khách hàng.

Tiếp tục mở rộng các dịch vụ giá trị gia tăng với khách hàng hiện hữu, nghiên cứu thị trường và triển khai xây dựng kho phân phối chuyên nghiệp, phát triển mở rộng hệ thống kho mát, kho lạnh và kho nguy hiểm chuyên biệt phù hợp cho mỗi ngành hàng khác nhau

Phát triển các dịch vụ Door - To - Door và Khai thuê Hải quan.

Khu 12ha: liên doanh với Hiệp hội gỗ Việt Nam xây dựng Trung tâm phân phối hội trợ triển lãm

Triển khai xây dựng 40.000 m² kho phục vụ cho 2 dự án: LG, Hua Sung, khách hàng ứng trước 40 tỷ và thời hạn thuê 10 năm

Tùy theo đàm phán khách hàng và các dịch vụ mà ICDLB cung cấp, sẽ đầu tư hệ thống craking và phần mềm quản lý IDC, ứng dụng CNTT trong hoạt động quản lý điều hành kho bãi và hoạt động quảng bá hình ảnh công ty

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có): không phát sinh

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...): Công ty thực hiện tốt và bảo đảm các chỉ tiêu môi trường theo quy định pháp luật môi trường

Công ty luôn tôn trọng các quy định, bảo vệ và kiểm soát môi trường do các cơ quan quản lý quy định trong hoạt động kinh doanh của mình và quyết tâm thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung của cam kết bảo vệ môi trường, thực hiện các chương trình giám sát môi trường

Kết quả đo đạc chất lượng môi trường không khí và kết quả phân tích các thông số ô nhiễm trong nước thải cho thấy chất lượng môi trường tại ICD Tân Cảng Long Bình là khá tốt, kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải.

Công ty luôn tiếp tục, duy trì công tác bảo vệ môi trường, thực hiện tốt công tác giám sát định kỳ chất lượng môi trường tại cảng, phân loại chất thải rắn từ nguồn, thu gom, vận chuyển và hạn chế tối đa các tác động trong hoạt động sản xuất đến môi trường, duy trì tốt thảm xanh trong khuôn viên ICD.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Sự tồn vinh của một doanh nghiệp được xây dựng trên nền tảng tư duy quản lý khác biệt, linh hoạt, và tích cực của đội ngũ quản lý cấp cao và cấp trung cùng chất lượng ổn định của nguồn nhân lực. Sự trưởng thành của mỗi doanh

nghiệp được tạo nên không chỉ bởi sự tác động đa chiều trên thương trường, mà còn là tổng hợp của sức mạnh từ các nguồn lực hiện có: nguồn lực tài nguyên cơ sở vật chất, nguồn nhân lực, nguồn tài chính, kinh nghiệm, đặc biệt là nguồn nhân lực

Tuy vậy, sự tiến triển đều đặn của Công ty trong hành trình 5 năm hay 10 năm tất yếu sẽ đem đến hệ quả là sự thỏa hiệp hoặc tự bằng lòng với những thành quả hiện có, và không còn tạo được những biến chuyển mang giá trị đột phá, hay những khúc quanh quan trọng đưa Công ty lên một vị thế hoàn toàn mới.

Công ty cần luôn thay đổi cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý nhằm đảm bảo mối quan hệ hợp lý giữa số lượng - chất lượng, khâu quản lý tinh gọn, đạt được hiệu năng tối ưu; bổ nhiệm, bố trí cán bộ quản lý hợp lý về chuyên môn, nghiệp vụ nhằm phù hợp với mục tiêu kinh doanh của Công ty trong từng giai đoạn, theo đó đặc biệt chú trọng vào con người - tài sản quý cho sự hưng thịnh, vững bền của Công ty, kỹ lưỡng nhằm sắp xếp, tổ chức lại hệ thống lao động, hệ thống sản xuất, hệ thống tài chính, hệ thống kinh doanh, hệ thống sản phẩm, v.v... của ICD Tân Cảng - Long Bình. Chính sự thay đổi trong chính sách người lao động từ chi tiết và toàn diện theo quy trình chuẩn, góp phần tạo cho ICD Long Bình có khả năng thực hiện chiến lược mới một cách hiệu quả, nâng cao vị thế của Công ty trên đa dạng và phong phú thị trường

Trên cơ sở kiện toàn lại tổ chức biên chế phù hợp với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2017 (thành lập Phòng Kỹ thuật công trình tách từ một số bộ phận phòng Tổ chức hành chính), giao quyền chủ động cho các Trưởng phòng ban trong công tác quản lý, bố trí, sắp xếp, định biên nhân sự của đơn vị theo hướng 1 nhân viên ngoài công tác chuyên môn chính, đảm nhiệm thêm một số công việc khác phát sinh (mang tính chất không thường xuyên); thực hiện điều động nhân sự từ các Phòng ban này sang đơn vị khác trong thời gian cao điểm của sản xuất (như khối giáp tiếp tham gia trực tiếp tại hiện trường), bảo đảm sử dụng hợp lý nhân sự và vẫn bảo đảm chất lượng dịch vụ; ngoài ra tổ chức huấn luyện đào tạo nội bộ, tại chỗ và các khóa huấn luyện nâng cao chuyên môn; kỹ năng quản trị dành cho cấp quản lý; các khóa huấn luyện an toàn định kỳ (an toàn lao động, an toàn PCCN, an toàn kỹ thuật hóa chất...); từ đó chất lượng nhân sự được cải thiện và đáp ứng được yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh trong môi trường ngày càng cạnh tranh và độ phức tạp, đa dạng của dịch vụ ngày càng nhiều;

Qua việc đổi mới công tác quản lý, điều hành nhân sự, năng suất lao động ngày càng cải thiện và tăng nhẹ so với cùng kỳ năm trước, trong khi đó độ phức tạp của dịch vụ cũng như các dịch vụ mới ngày càng phát sinh (dịch vụ phân phối, dịch vụ đóng gói, chia tách hàng hóa...) nhưng nhân sự ICDLB vẫn bảo

đảm chất lượng dịch vụ cũng như tạo độ tin cậy cho khách hàng khi sử dụng dịch vụ ICD.

Trong năm 2018, vẫn giữ nguyên các Phòng như năm 2017; trong đó tập trung kiện toàn tổ chức của Phòng kế hoạch kinh doanh theo hướng chuyên sâu hơn, tập trung thành 2 nhóm: nhóm kinh doanh sale marketing (sale các dịch vụ kho bãi và sale các dịch vụ giá trị gia tăng) và nhóm nghiệp vụ - vận hành (thực hiện quản lý các đơn hàng, theo dõi đơn hàng và chăm sóc khách hàng, quản lý doanh thu chi phí từ các đơn hàng).

Tiếp tục nâng cao tính chủ động cho các Trưởng phòng trong quản lý, điều hành, thực hiện nhiệm vụ của Phòng; tập trung huấn luyện chuyên môn nghiệp vụ theo hướng “chuyên sâu, thực chất”; từng bước xây dựng đội ngũ nhân sự thành một nhóm chuyên viên chất lượng cao (về nghiệp vụ kho - bãi, thông thạo ngoại ngữ, kỹ năng quản lý, điều hành và ứng dụng CNTT trong nghiệp vụ, kiến thức pháp lý và tài chính) cho các dự án, các chuỗi logistics phân phối với đối tượng hướng đến tập đoàn bán lẻ lớn Việt Nam và các tập đoàn bán lẻ đa quốc gia hiện đang vào thị trường Việt Nam; theo định hướng phát triển theo chiều sâu của Công ty trong giai đoạn 2018 – 2020 cũng như khai thác có hiệu quả khu CSHT 36ha/84ha đã nhận bàn giao từ tháng 12/2017.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Công ty luôn thực hiện công tác dân vận, phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện trách nhiệm của doanh nghiệp đối với địa phương, đặc biệt các chính sách bảo vệ môi trường, chăm lo đời sống người dân, các hoạt động đền ơn đáp nghĩa

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

Hội đồng quản trị năm 2017 tính đến tháng 12 bao gồm:

- Ông Ngô Trọng Phàn
- Ông Trần Triệu Phú
- Ông Phạm Duy Tân
- Ông Vũ Thành Trung
- Bà Nguyễn Bích Hòa: thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Sau khi ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 thông qua Nghị quyết, trong đó có phương hướng sản xuất kinh doanh năm 2017 và giao cho HĐQT tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, HĐQT đã xác định chiến lược, mục tiêu phát triển sản xuất kinh doanh và giao cho Giám đốc điều hành, triển khai thực hiện.

Trong năm qua, HĐQT thực hiện tốt chức năng giám sát để đảm bảo kết quả đạt được từ công tác điều hành của Giám đốc theo đúng mục tiêu, định hướng và kế hoạch đã đề ra.

Với tình hình SXKD có nhiều nét đổi mới, hầu hết khách hàng đánh giá cao sự phát triển đột phá của toàn hệ thống TCT TCSG nói chung và ICD LONG BÌNH nói riêng. Các bộ phận sản xuất, kinh doanh đã phối hợp nhịp nhàng theo hệ thống, chất lượng dịch vụ tốt hơn, khách hàng tin cậy, phát triển bền vững, góp phần thúc đẩy hệ thống kho mới phủ kín theo kế hoạch, kết quả sản xuất kinh doanh đạt so với kế hoạch đã đề ra cụ thể:

Tổng doanh thu: 352 tỷ đồng

Lợi nhuận trước thuế: 70,5 tỷ đồng

Cổ tức năm 2017 (Dự kiến): 15%

Thu nhập của người lao động được cải thiện và nâng cao, thu nhập bình quân năm 2017 vào khoảng 16,81 triệu đồng/người.

Các định hướng cho năm 2018:

- Chọn đơn vị tư vấn thủ tục và lựa chọn thời gian niêm yết cổ phiếu, đảm bảo niêm yết đúng thủ tục, đúng thời điểm.

- Triển khai các hoạt động kinh doanh giai đoạn 2 Khu dịch vụ Tân Cảng Long Bình

Phương án đầu tư, kinh doanh: hợp tác kinh doanh với các đối tác, khách hàng đầu tư xây dựng hệ thống nhà kho, các công trình phụ trợ phục vụ cho các doanh nghiệp công nghệ cao, công nghệ sạch, KCN, đồng thời các đối tác, khách hàng cam kết sử dụng dịch vụ logistics của ICDLB và hệ thống TCT cho luân chuyển nguyên liệu, sản phẩm đến khu vực sản xuất, KCN, hệ thống cảng và các trung tâm phân phối.

Khu 12ha: liên doanh với Hiệp hội gỗ Việt Nam xây dựng Trung tâm phân phối hội trợ triển lãm

Triển khai xây dựng 40.000 m² kho phục vụ cho 2 dự án: LG, Hua Sung, khách hàng ứng trước 40 tỷ và thời hạn thuê 10 năm

- Tiếp tục mở rộng các dịch vụ giá trị gia tăng với khách hàng hiện hữu, nghiên cứu thị trường và triển khai xây dựng kho phân phối chuyên nghiệp, phát triển mở rộng hệ thống kho mát, kho lạnh và kho nguy hiểm chuyên biệt phù hợp cho mỗi ngành hàng khác nhau

Phát triển các dịch vụ Door - To - Door và Khai thuê Hải quan.

- Tăng cường công tác kết nối các hoạt động logistics trong toàn hệ thống các công ty thành viên của TCT, đặc biệt công tác kết nối sales MKT phát triển các dịch vụ kho và các chính sách phát triển Depot tại ICD LB; tác kết nối các

hoạt động logistics trong toàn hệ thống các công ty thành viên của TCT, đặc biệt công tác kết nối sales MKT phát triển các dịch vụ kho và các chính sách phát triển Depot tại ICD LB.

- Tiếp tục Hiện đại hóa hệ thống CNTT trong toàn ICD, gắn liền với hạ tầng CNTT của Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn, bảo đảm trong điều hành và hoạt động quản bá hình ảnh.

- Tích hợp trung tâm an ninh với trung tâm báo cháy trong toàn hệ thống ICDLB.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ nắm giữ cổ phần tại 31/12/2017
Ngô Trọng Phàn	Chủ tịch HĐQT	0.16%
Trần Triệu Phú	Thành viên	0,44%
Vũ Thành Trung	Thành viên	0%
Phạm Duy Tân	Thành viên	0%
Nguyễn Bích Hòa	Thành viên	1.47%

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không thành lập

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
01	Ông Ngô Trọng Phàn	Chủ tịch HĐQT	4/4	100%	
02	Ông Trần Triệu Phú	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	4/4	100%	

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
03	Ông Phạm Duy Tân	Thành viên HĐQT	4/4	100%	
04	Bà Nguyễn Bích Hòa	Thành viên HĐQT	4/4	100%	
05	Vũ Thành Trung	Thành viên HĐQT	4/4	100%	

Về tổ chức các cuộc họp Hội đồng quản trị:

Trong năm 2017, HĐQT đã bảo đảm lịch sinh hoạt định kỳ ít nhất một quý một lần, thực hiện tốt dân chủ trong các cuộc họp. Ngoài ra, HĐQT công ty còn tổ chức lấy ý kiến biểu quyết của HĐQT bằng văn bản để giải quyết kịp thời những phát sinh và việc lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Điều lệ công ty, Quy chế quản trị nội bộ công ty, và Luật doanh nghiệp.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập, của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Trong năm 2017, dưới sự chỉ đạo của HĐQT, Ban Giám đốc đã thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Thông qua các cuộc họp HĐQT, Ban Giám đốc đã báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của đơn vị và đề xuất các giải pháp, chính sách phù hợp với định hướng, chỉ đạo của HĐQT để kịp thời giải quyết những khó khăn vướng mắc của Công ty.

Nhìn chung, HĐQT công ty đã thực hiện tốt Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2017, thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT theo quy định của Điều lệ công ty và Luật Doanh nghiệp

Liên quan đến công tác quản lý cổ đông: Công ty chứng khoán Ngân hàng Đông Á làm đơn vị quản lý cổ đông.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:./.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Trong năm 2017 nhân sự Ban kiểm soát không có sự thay đổi.

Nhân sự ban kiểm soát gồm:

- Ông Nguyễn Viết Trường
- Bà Mai Thị Mộng Kiều
- Ông Lê Xuân Sơn

b) Hoạt động của Ban kiểm soát.

Với các thành viên trong BKS là cán bộ ngoài Công ty, BKS đã tham gia đầy đủ vào các cuộc họp của HĐQT và Ban Giám đốc nhằm duy trì thường xuyên việc giám sát các hoạt động của Công ty.

BKS đã tham gia cũng như được thông tin đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và ban Giám đốc nhằm duy trì thường xuyên việc giám sát các hoạt động của công ty.

Giám sát hoạt động và việc tuân thủ theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty đối với HĐQT, Ban Giám đốc.

Thường xuyên phối hợp với phòng ban chức năng của ICD Long Bình trong việc thanh kiểm tra chấp hành pháp luật thuế của cơ quan thuế, kiểm toán và đầu tư mua sắm của công ty.

Giám sát công tác kiểm toán nội bộ, đánh giá hoạt động kiểm tra, kiểm soát nội bộ của công ty.

Tiến hành kiểm tra kết quả kinh doanh và báo cáo tài chính năm 2016

BKS nhận thấy các thành viên HĐQT và Giám đốc luôn tạo điều kiện thuận lợi để BKS hoàn thành nhiệm vụ mà cổ đông đã giao phó.

Ban kiểm soát lưu ý hoạt động của công ty:

- Các chính sách pháp luật mới, thường xuyên cập nhật, đặc biệt là hệ thống pháp luật, nghị định, thông tư về thuế, kế toán, doanh nghiệp và đầu tư.....

- Thực hiện đầu tư cần chú ý đến trình tự thủ tục trong quá trình tiến hành cũng như dòng tiền, hiệu quả sử dụng vốn, sử dụng đòn bẩy tài chính hợp lý.

- Đề nghị Cty lưu ý đến chỉ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu(năm 2016 là 2,68 lần, năm 2017 là 2,52 lần) “Theo quy định của Hội Đồng thành viên TCTTCSG, Công ty con có 51% vốn nhà nước trở lên chỉ được đầu tư khi chỉ số Nợ Phải trả/Vốn chủ sở hữu nhỏ hơn hoặc bằng hai lần, nếu vượt quy định phải được sự đồng ý của HĐQTV bằng văn bản”

- Đề nghị Ban giám đốc cũng như các phòng ban của đơn vị hết sức lưu ý về các chỉ số về khả năng thanh toán nhanh, tình hình thu hồi công nợ (công nợ của Cty TNHH Tiến Nga, Cty CP vận tải & tiếp vận Châu á Thái Bình Dương, CN Cty CP vận tải & tiếp vận Châu á Thái Bình Dương tại Hà Nội, Cty TNHH DV chuỗi cung ứng DHL VN, Cty Global Home KS ... mà kiểm toán cũng như các phòng ban chức năng đã lưu ý..

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/:

Hội đồng quản trị:

STT	Tên	Chức vụ	Mức thù lao	Ghi chú
1	Ngô Trọng Phàn	Chủ tịch HĐQT	48.000.000	
2	Trần Triệu Phú	Thành viên	42.000.000	
3	Phạm Duy Tân	Thành viên	42.000.000	
4	Nguyễn Bích Hòa	Thành viên	42.000.000	
5	Vũ Thành Trung	Thành viên	42.000.000	
	Tổng		186.000.000	

Ban kiểm soát:

STT	Tên	Chức vụ	Mức thù lao	Ghi chú
1	Nguyễn Viết Trường	Trưởng ban	30.000.000	
2	Mai Thị Mộng Kiều	Thành viên	12.000.000	
3	Lê Xuân Sơn	Thành viên	12.000.000	
	Tổng		54.000.000	

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không phát sinh

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ, các bên liên quan

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tiếp vận Thành Long	Công ty con
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Long Bình	Công ty liên kết (đến ngày 15/09/2017)

Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Cái Mép	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Phước	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Cypress	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Sóng Thần	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng - Cái Mép	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Phát triển nguồn nhân lực Tân Cảng – STC	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần DIC Tân Cảng - Cái Mép	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: bảo đảm thực hiện quy định quản trị công ty, Công ty lưu ý sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động, quy chế quản trị công ty trong năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 để phù hợp Thông tư số 95/2017/TT-BTC, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, Luật doanh nghiệp 2014 và Luật chứng khoán.

Đối với các thành viên Hội đồng quản trị, trong năm 2018 bảo đảm tham gia có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty và tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Đơn vị kiểm toán: Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A & C)

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng – Long Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Công ty và công ty con”), được lập ngày 02 tháng 03 năm 2018,

từ trang 07 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và

hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số VII.3 trong bản thuyết minh báo cáo tài chính về vấn đề tại ngày 01 tháng 01 năm 2017 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn lần lượt là 89.445.376.977 VND và 66.207.244.521 VND. Sự kiện này cùng những vấn đề khác được nêu trong thuyết minh số VII.3 (trang 41) cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của công ty.

2. Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		168.265.211.580	156.303.995.919
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	46.182.863.658	30.170.606.743
1. Tiền	111		41.682.863.658	26.670.606.743
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.500.000.000	3.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn	130			

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
hạn			120.255.282.186	116.421.822.460
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	85.831.264.157	113.433.339.252
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	29.087.865.260	1.144.851.010
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	5.390.482.769	1.897.962.198
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6	(54.330.000)	(54.330.000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	323.250.000
1. Hàng tồn kho	141		-	323.250.000
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.827.065.736	9.388.316.716
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	1.748.187.064	1.053.970.076
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	8.334.346.640
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	78.878.672	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		911.498.419.633	894.397.616.497
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		612.399.094.161	622.984.987.172
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	612.369.927.504	622.884.431.611
- Nguyên giá	222		846.441.651.474	813.056.778.295
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(234.071.723.970)	(190.172.346.684)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	29.166.657	100.555.561
- Nguyên giá	228		434.504.400	434.504.400
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(405.337.743)	(333.948.839)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		26.037.255.408	9.540.237.379
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	26.037.255.408	9.540.237.379
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		7.238.210.000	13.034.261.399
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2a	-	7.796.051.399
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	7.238.210.000	5.238.210.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		265.823.860.064	248.838.130.547
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	265.823.860.064	248.838.130.547
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.079.763.631.213	1.050.701.612.416
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		750.849.060.267	745.620.345.369
I. Nợ ngắn hạn	310		227.284.900.290	241.485.702.910
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	98.388.008.771	102.058.666.898
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	46.612.445	685.978.390
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	3.836.769.023	4.580.746.334
4. Phải trả người lao động	314		10.355.874.469	9.404.386.481

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	2.108.619.885	6.671.289.533
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15a	4.396.545.728	10.468.860.192
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	51.019.476.571	28.734.468.277
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	55.753.561.735	77.614.043.755
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	1.379.431.663	1.267.263.050
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		523.564.159.977	504.134.642.459
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.15b	76.849.858.999	94.098.112.235
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	171.208.992.350	156.660.258.250
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	275.505.308.628	253.376.271.974
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-

3213-C
 CÔNG TY
 CỔ PHẦN
 TÂN
 LO
 BIÊN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		328.914.570.946	305.081.267.047
I. Vốn chủ sở hữu	410		328.914.570.946	305.081.267.047
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19	187.000.000.000	187.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		187.000.000.000	187.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.19	44.226.401.737	36.355.273.217
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.19	69.881.204.840	55.985.017.000
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		10.869.303.553	55.985.017.000
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		59.011.901.287	-
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.20	27.806.964.369	25.740.976.830
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.079.763.631.213	1.050.701.612.416

BẢNG KẾT QUẢ KINH DOANH

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	380.672.839.554	352.252.441.933
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		380.672.839.554	352.252.441.933
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	241.319.118.952	231.331.279.224
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		139.353.720.602	120.921.162.709
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.603.079.753	501.744.374
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	22.623.500.175	22.778.262.312
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		22.331.015.593	22.266.203.636
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(414.360.056)	346.070.073
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.359.764.331	1.428.661.740
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	35.327.445.134	27.598.361.605
11 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22)-(25+26)}	30		81.231.730.659	69.963.691.499
12. Thu nhập khác	31	VI.7	76.109.650	10.155.513

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
13. Chi phí khác	32	VI.8	1.803.507.803	448.500.727
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(1.727.398.153)	(438.345.214)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		79.504.332.506	69.525.346.285
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.13	16.013.070.200	13.998.021.262
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		63.491.262.306	55.527.325.023
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		59.011.901.287	52.002.985.448
20. Lợi nhuận của cổ đông không kiểm soát	62		4.479.361.019	3.524.339.575
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		2.678	2.478
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		2.678	2.478

BẢNG LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		79.348.216.099	69.525.346.285
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9.10	43.970.766.190	42.358.728.135
Các khoản dự phòng	03		-	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	16.344.909	68.771.661
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(1.027.495.573)	(610.953.407)
Chi phí lãi vay	06	VI.4	22.331.015.593	22.266.203.636
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</i>				
<i>trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		144.638.847.218	133.608.096.310

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		35.482.321.965	(49.343.430.755)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		323,250,000	(323,250,000)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		1.898.912.039	54.710.775.947
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(17.679.946.505)	(42.554.975.968)
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(22.263.858.998)	(24.273.238.106)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(18.398.688.030)	(14.886.266.073)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.19	161.581.937	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19	(9.335.255.324)	(7.348.228.447)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		114.827.164.302	49.589.482.908
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(80.285.383.773)	(68,455,491,540)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2	(2.000.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		5.304.116.407	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		747.430.565	291.133.334
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(76.233.836.801)	(68.164.358.206)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33	V.18	69.053.090.389	92.482.043.269
Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(68.784.535.755)	(62.312.178.000)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(22.847.500.000)	(22.847.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(22.578.945.366)	7.322.365.269

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		16.014.382.135	(11.252.510.029)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	30.170.606.743	41.399.926.087
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(2.125.220)	23.190.685
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	46.182.863.658	30.170.606.743

(*) Thuyết minh báo cáo tài chính kiểm toán (đính kèm theo báo cáo tài chính hợp nhất)

Toàn văn báo cáo tài chính và báo cáo tài chính hợp nhất được đăng tải trên trang thông tin điện tử của công ty: www.icdlongbinh.com (mục quan hệ cổ đông)

XÁC NHẬN
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



GIÁM ĐỐC
Trần Triệu Phú